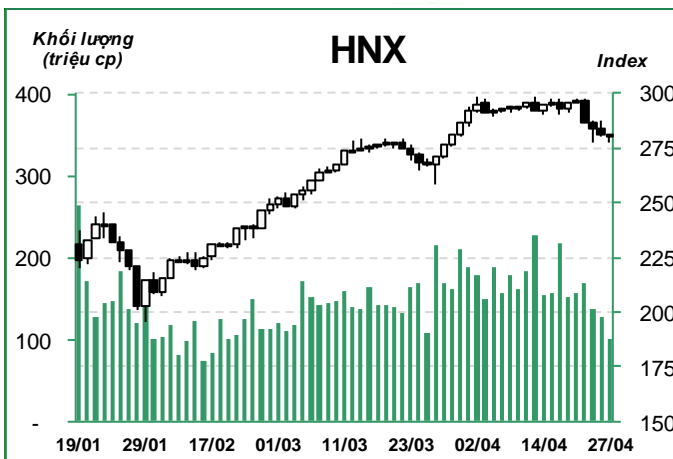
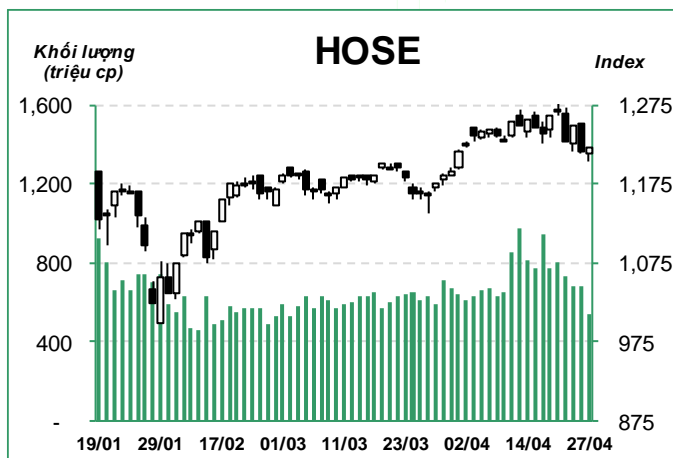


## Tổng quan thị trường

27/04/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>1,219.75</b>	<b>0.33%</b>	<b>1,283.81</b>	<b>0.69%</b>	<b>280.56</b>	<b>-0.04%</b>
Cuối tuần trước	1,248.53	-2.31%	1,301.39	-1.35%	283.63	-1.08%
Trung bình 20 ngày	1,240.75	-1.69%	1,267.71	1.27%	291.42	-3.72%
<b>Tổng KLGĐ (triệu cp)</b>	<b>618.17</b>	<b>-17.02%</b>	<b>183.89</b>	<b>-22.07%</b>	<b>102.39</b>	<b>-27.79%</b>
<b>KLGĐ khớp lệnh</b>	<b>544.65</b>	<b>-20.53%</b>	<b>171.78</b>	<b>-20.82%</b>	<b>100.34</b>	<b>-21.55%</b>
Trung bình 20 ngày	732.55	-25.65%	216.95	-20.82%	164.51	-39.01%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>15,459.26</b>	<b>-19.88%</b>	<b>8,111.53</b>	<b>-28.29%</b>	<b>1,715.94</b>	<b>-34.83%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>13,065.39</b>	<b>-22.52%</b>	<b>7,283.77</b>	<b>-27.10%</b>	<b>1,673.86</b>	<b>-27.43%</b>
Trung bình 20 ngày	17,063.18	-23.43%	9,156.47	-20.45%	2,873.71	-41.75%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	190	41%	14	47%	90	25%
<b>Số mã giảm</b>	221	48%	13	43%	114	31%
<b>Số mã đứng giá</b>	48	10%	3	10%	162	44%



Sau phiên giảm điểm mạnh hôm qua, thị trường giao dịch giảm co trở lại với diễn biến đảo chiều liên tục với biên độ thu hẹp của VN-Index trong suốt thời gian giao dịch. Áp lực bán bắt đầu có dấu hiệu suy yếu khi thanh khoản thị trường sụt giảm rõ rệt so với trung bình. Điểm nhấn đến vào cuối phiên khi xuất hiện dòng tiền bắt đáy ở một số cổ phiếu Bluechips. Bên cạnh đó, thị trường cũng đang được ủng hộ bởi dòng vốn ngoại khi liên tục hút ròng những phiên gần đây.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tăng nhẹ lên mức 1,219.75 điểm (+0.33%) với KLGĐ khớp lệnh đạt 544.7 triệu cổ phiếu (-20.5%), tương đương 13,065 tỷ đồng giá trị (-22.5%). Tuy nhiên, độ rộng thị trường lại cho thấy sự nhỉnh hơn của bên bán khi toàn sàn có 221 mã giảm so với 190 mã tăng.

Ngoài trừ nhóm thép có diễn biến tăng tốt với sự dẫn dắt của Hòa Phát-HPG (+2.2%) và Tập đoàn Hoa Sen-HSG (+4.0%), các nhóm ngành chủ chốt khác nhìn chung vẫn đang xảy ra phân hóa mạnh. Trong đó, Novaland-NVL (+6.2%) tiếp tục là tâm điểm khi dẫn đầu đà tăng của chỉ số bên cạnh một vài Bluechips khác cũng có tín hiệu phục hồi trở lại như Masan-MSN (+3.2%), Ngân hàng Á Châu-ACB (+2.1%), Sacombank-STB (+2.4%). Ở chiều ngược lại, Petrolimex-PLX (-2.7%), Vincom Retail-VRE (-1.8%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (-1.3%) và BĐS Phát Đạt-PDR (-2.7%) có ảnh hưởng tiêu cực nhất. Trong khi đó, nhóm cổ phiếu penny tiếp tục ghi nhận áp lực bán tháo trên diện rộng với nhiều mã giảm sàn.

Khối ngoại giao dịch khá tích cực trên sàn HoSE hôm nay khi đẩy mạnh mua ròng đến 402.7 tỷ đồng (+405.0%). Với những cổ phiếu được mua ròng nhiều như Hòa Phát-HPG (+173.7 tỷ), Novaland-NVL (+96.7 tỷ) hay Masan-MSN (+87.3 tỷ). Trong khi đó, dẫn đầu ở vị thế bán ròng của khối ngoại thuộc về các cổ phiếu thuộc nhóm ngân hàng như VPBank-VPB (-116.4 tỷ), Vietinbank-CTG (-56.6 tỷ), MBBank-MBB (-43.9 tỷ).

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
MSB	13,500.0	297.00
LPB	14,336.7	276.70
VNM	2,470.9	235.92
VIB	4,000.0	200.40
NVL	1,287.8	146.42
VIC	1,000.0	127.00
HPG	2,225.3	121.36
HDB	3,080.2	81.96
SAM	6,976.6	67.77
GAB	345.0	65.90
<b>HNX</b>		
PAN	850.0	21.25
NVB	547.4	8.43
VC3	383.1	8.42
SHS	40.0	0.97
SPI	60.0	0.95
KDM	100.0	0.84
KHS	51.5	0.70
VND	13.0	0.47

Với sàn HNX, chỉ số HNX-Index đóng cửa ngay dưới tham chiếu tại mức 280.56 điểm (-0.04%). KLGĐ khớp lệnh đạt 100.3 triệu cổ phiếu (-21.5%), tương đương 1,673.9 tỷ đồng giá trị (-27.4%).

Trong đó, Ngân hàng Bắc Á-BAB (-0.7%), KLF Global-KLF (-8.2%) cùng một số cổ phiếu nhóm chứng khoán như Chứng khoán Artex-ART (-8.8%), Chứng khoán MB-MBS (-1.3%), Chứng khoán Phố Wall-WSS (-6.9%) giảm điểm tác động tiêu cực đến chỉ số. Ở chiều ngược lại, cũng giống như sàn HoSE, một số cổ phiếu trụ trên sàn HNX như Tập đoàn PAN-PAN (+3.6%), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+0.4%), Idico-IDC (+1.5%) cũng bất ngờ được kéo xanh trong phiên ATC giúp thu hẹp đà giảm cho chỉ số chung.

Khối ngoại cũng có động thái gom mua cổ phiếu trên sàn HNX hôm nay với giá trị 6.9 tỷ đồng (-79.4%). Lực mua nhiều nhất thuộc về Vicostone-VCS (+6.6 tỷ), Nhựa Tiên Phong-NTP (+4.0 tỷ), Thống Nhất-BAX (+0.7 tỷ). Trái lại, nhóm chứng khoán bị bán nhiều nhất với các cổ phiếu như Chứng khoán VNDIRECT-VND (-3.2 tỷ), CK Châu Á - TBD-APS (-0.7 tỷ) và Chứng khoán Artex-ART (-0.6 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch duy trì ở dưới mức bình quân 10,20 phiên và thấp nhất trong cả tháng qua, hàm ý dòng tiền đang hạn vẫn đang chi phối, khi chỉ số nằm dưới MA5,20, cùng với đường -DI cắt lên đường +DI, cho thấy áp lực giảm điểm vẫn còn, phiên tăng điểm vừa qua có thể chỉ mang tính hồi kỹ thuật. Thêm vào đó, đường MACD nằm dưới Signal duy trì tín hiệu bán, cho thấy chỉ số có thể sớm suy giảm trở lại, về tính thách lại vùng đỉnh 1,200 điểm hoặc xa hơn là vùng 1,150 điểm (đáy cũ tháng 3/2021). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến giằng co giảm điểm nhẹ. Chỉ số có phiên giảm điểm thứ tư liên tiếp và nằm dưới MA20, cùng với MA5 cắt MA20 hàm ý xác nhận xu hướng giảm ngắn hạn. Trong trường hợp, chỉ số không thể giữ được trên vùng đỉnh cũ quanh 279-280 điểm thì sẽ suy giảm về lại vùng 271 điểm (MA50). Nhìn chung, thị trường đang trong xu hướng giảm ngắn hạn và chịu sức ép suy giảm về các vùng hỗ trợ thấp hơn. Do đó, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên hồi kỹ thuật để đưa danh mục về mức thấp nhằm tránh rủi ro bất ngờ từ thị trường.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PSH	21.4	731.2	7.0%
TTF	7.0	5,151.0	7.0%
TSC	9.5	5,391.7	7.0%
HUB	23.9	40.0	7.0%
FUCVREIT	29.3	4.2	6.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ROS	6.7	46,913.6	-7.0%
NHA	30.2	317.3	-6.9%
TMT	9.5	41.2	-6.9%
YEG	24.9	292.2	-6.9%
HQC	3.8	26,689.1	-6.9%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	56.3	1,294.0	2.2%
STB	23.1	1,088.1	2.4%
VPB	53.2	888.9	0.4%
VIX	35.1	526.1	2.0%
MSB	21.3	432.2	-2.1%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	23.1	47,546.5	2.4%
ROS	6.7	46,913.6	-7.0%
HQC	3.8	26,689.1	-6.9%
HPG	56.3	23,374.4	2.2%
FLC	11.1	20,625.9	-5.6%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VIE	8.8	1.2	10.0%
SDG	38.5	0.3	10.0%
ACM	3.3	2,169.7	10.0%
QHD	42.3	4.3	9.9%
PPE	13.4	1.1	9.8%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
GMX	27.0	0.1	-10.0%
SVN	4.5	180.7	-10.0%
DIH	23.4	6.2	-10.0%
ADC	23.5	0.1	-10.0%
GDW	35.5	0.2	-9.9%

#### Top 5 giá trị

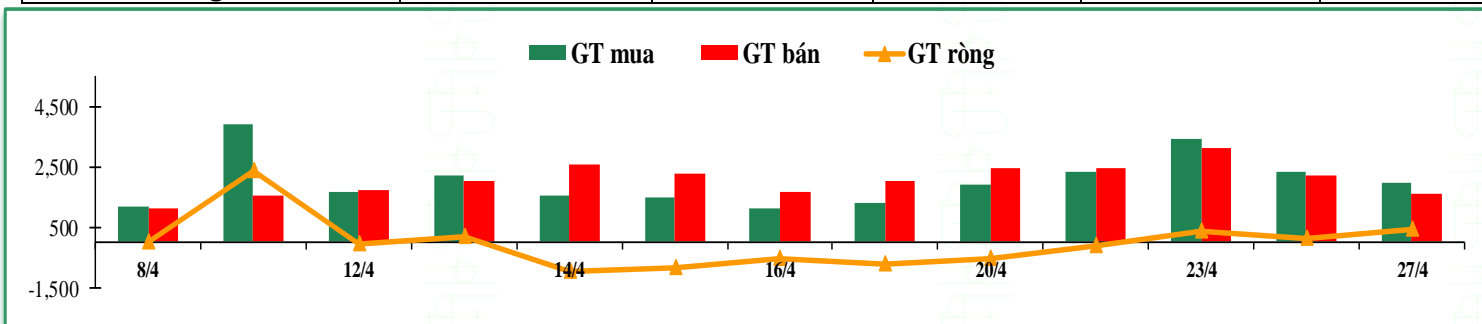
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	27.2	366.4	0.4%
THD	186.7	178.6	0.1%
VND	35.1	112.9	0.9%
SHS	26.9	109.5	-0.4%
KLF	5.6	101.4	-8.2%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
KLF	5.6	18,126.0	-8.2%
SHB	27.2	13,579.6	0.4%
ART	8.3	7,633.6	-8.8%
NVB	17.2	5,432.9	0.6%
PVS	19.4	4,922.3	0.0%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,969.6	12.7%	1,566.9	10.1%	402.7
HNX	16.1	0.9%	9.2	0.5%	6.9
<b>Tổng số</b>	<b>1,985.7</b>		<b>1,576.1</b>		<b>409.6</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	56.3	340.4	2.2%
VNM	95.7	288.2	-0.3%
NVL	121.5	154.0	6.2%
HDB	26.8	127.4	1.1%
VIC	132.1	120.4	0.5%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	95.7	293.4	-0.3%
HPG	56.3	166.7	2.2%
VPB	53.2	136.5	0.4%
HDB	26.8	81.6	1.1%
VRE	30.6	66.6	-1.8%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	56.3	173.7	2.2%
NVL	121.5	96.7	6.2%
MSN	98.0	87.3	3.2%
STB	23.1	79.7	2.4%
VHM	100.0	77.2	0.4%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	89.3	6.6	0.8%
NTP	36.2	4.5	3.4%
BAX	73.9	0.7	-2.8%
VND	35.1	0.5	0.9%
IDV	67.3	0.4	1.8%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	35.1	3.7	0.9%
ART	8.3	0.9	-8.8%
SHS	26.9	0.8	-0.4%
APS	9.9	0.7	2.1%
HUT	6.0	0.5	1.7%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	89.3	6.6	0.8%
NTP	36.2	4.0	3.4%
BAX	73.9	0.7	-2.8%
IDV	67.3	0.4	1.8%
PGN	17.2	0.3	-0.6%

## Tin trong nước

### SSI Research: Thanh khoản ngân hàng vẫn dồi dào

Trung tâm Phân tích Chứng khoán SSI - SSI Research có báo cáo thị trường tiền tệ tuần 19/4 – 23/4, đề cập thị trường mở tiếp tục không phát sinh giao dịch, lãi suất trên liên ngân đi ngang ở mức 0,43%/năm với kỳ hạn qua đêm và 0,6%/năm với kỳ hạn một tuần.

Theo thông tin từ Ngân hàng Nhà nước (NHNN), tại 16/4, so với cuối năm 2020, tín dụng tăng 3,34% và tổng phương tiện thanh toán M2 tăng 3%. Nếu so với cuối tháng 4/2020, tăng trưởng tín dụng và phương tiện thanh toán gần như tương đương nhau (14-15%). Mặt bằng lãi suất tiền gửi và cho vay không thay đổi và dự kiến sẽ tiếp tục giữ ở mức thấp trong quý II do thanh khoản các ngân hàng thương mại (NHTM) vẫn rất dồi dào.

4 tháng đầu năm thu hút được 12,25 tỷ USD vốn FDI, Long An tiếp tục dẫn đầu

Theo dữ liệu từ Cục đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch & Đầu tư, tính đến ngày 20/4/2021, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 12,25 tỷ USD; vốn thực hiện của dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 5,5 tỷ USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong 4 tháng đầu năm 2021, có 451 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giảm 54,2% so với cùng kỳ. Tổng vốn đăng ký đạt gần 8,5 tỷ USD, tăng 24,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Đồng thời, có 263 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư, giảm 21,5% so với cùng kỳ, tổng vốn đăng ký tăng thêm đạt trên 2,7 tỷ USD, giảm 10,6% so với cùng kỳ. Ngoài ra, còn có 1.151 lượt góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài, giảm 64,1% so với cùng kỳ, tổng giá trị vốn góp đạt trên 1 tỷ USD, giảm 57,8% so với cùng kỳ.

Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 17 ngành lĩnh vực, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt 5,2 tỷ USD, chiếm 42,4% tổng vốn đầu tư đăng ký. Lĩnh vực sản xuất, phân phối điện đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư gần 5,1 tỷ USD, chiếm 41,3%. Tiếp theo là lĩnh vực kinh doanh bất động sản, bán buôn, bán lẻ với tổng vốn đăng ký lần lượt đạt 778 triệu USD và 464 triệu USD.

Đến cuối tháng 4/2021, đã có 67 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam, trong đó Singapore tiếp tục dẫn đầu với tổng vốn đầu tư trên 4,8 tỷ USD, Nhật Bản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư trên 2,5 tỷ USD, Hàn Quốc đứng thứ ba với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 1,5 tỷ USD.

Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 53 tỉnh, thành phố trên cả nước, trong đó, Long An dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 3,3 tỷ USD, tiêu biểu có Dự án Nhà máy điện LNG Long An I và II (Singapore), tổng vốn đăng ký trên 3,1 tỷ USD.

Cần Thơ đứng thứ hai với tổng vốn đăng ký trên 1,3 tỷ USD. TP. HCM đứng thứ ba với 1,1 tỷ USD, chiếm 9,3% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên cả nước.

Nguồn: Cafef

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Hợp ĐHCĐ Novaland: Sẽ M&A thêm 10.000 ha quỹ đất, huy động vốn 1 - 2 tỷ USD năm nay**

Sáng nay (27/4), Tập đoàn Novaland (HoSE: NVL) tổ chức họp ĐHCĐ thường niên 2021.

### **Quỹ đất khoảng 5.400 ha, tiếp tục đầu tư BĐS trung - cao cấp**

Năm 2020, Novaland đạt lợi nhuận 3.907 tỷ đồng, tăng 15% so với năm trước. Công ty đã bàn giao 503 sản phẩm đến từ nhiều dự án khác nhau như Aqua City, Sun Avenue...

Năm 2021, ông Huy cho biết Novaland sẽ tiếp tục đầu tư vào phân khúc BĐS trung – cao cấp với quỹ đất khoảng 5.400 ha, gồm BĐS đô thị trung tâm TP HCM và vệ tinh, BĐS du lịch và BĐS công nghiệp. Tổng giá trị phát triển quỹ đất đạt 45 tỷ USD.

HĐQT trình cổ đông kế hoạch 2021 với doanh thu thuần 27.491 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 4.100 tỷ đồng, tăng lần lượt 447% và 5% so với thực hiện năm trước.

### **Phát hành 40 triệu cổ phiếu ưu đãi và 1,5% cổ phiếu ESOP**

HĐQT trình cổ đông phương án phát hành cổ phiếu ESOP với số lượng tối đa 1,5% số cổ phần đang lưu hành tại thời điểm phát hành. Tính theo vốn điều lệ hiện tại, số lượng cổ phiếu ESOP có thể phát hành gần 14,8 triệu cổ phiếu.

HĐQT cũng đưa ra đề xuất phát hành tối đa 40 triệu cổ phiếu ưu đãi cổ tức hoặc/và cổ phiếu ưu đãi hoàn lại. Mức cổ tức sẽ do HĐQT thỏa thuận, đàm phán với nhà đầu tư, đồng thời không vượt quá 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước.

Thời gian dự kiến phát hành trong năm 2021, cụ thể sẽ do HĐQT quyết định. Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành cổ phiếu ưu đãi gần 10.263 tỷ đồng.

### **Hợp ĐHCĐ MB: Kế hoạch lãi tăng 20% trong 2021, cổ tức 10-15%**

Sáng 27/4, MB (HoSE: MBB) họp cổ đông thường niên 2021, trình kế hoạch lợi nhuận trước thuế 13.200 tỷ đồng, tăng 20% so với năm trước. Tổng tài sản và tăng trưởng tín dụng dự kiến tăng 11%. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 1,5%. Trong trường hợp dịch Covid-19 chưa được kiểm soát, các chỉ tiêu kế hoạch 2021 tăng quanh mức khoảng 10%.

Ban lãnh đạo dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2021 là 10-15% và thực hiện trong năm 2022.

HĐQT cũng trình phương án tăng gần 40% vốn điều lệ nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh. Phương án phát hành chia thành 3 lần. Lần một, ngân hàng sẽ phát hành cổ phiếu trả cổ tức, tỷ lệ 35% nâng vốn điều lệ từ 28.000 tỷ đồng lên 38.600 tỷ đồng.

Lần hai, ngân hàng sẽ tăng vốn thêm 700 tỷ đồng qua bán vốn cho nhà đầu tư chiến lược gồm Viettel (thêm tối đa 43 triệu cổ phiếu), Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương Mại và xuất nhập khẩu Viettel (tối đa 27 triệu cổ phiếu) và các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp khác. Lần ba, ngân hàng sẽ phát hành 19,24 triệu cổ phiếu ESOP cho cán bộ nhân viên.

Nguồn: NDH

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VSC	Mua	28/04/21	49.9	49.9	0.0%	55	10.2%	47	-5.8%	Tín hiệu test đầy tích cực, có cơ hội hồi phục

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	STB	Quan sát mua	28/04/21	23.1	25-25.5	Nhịp hồi phục duy trì được trên các đường MA sau tín hiệu rũ bỏ + vol tăng dần trở lại -> khả năng tiếp tục tăng và vượt đỉnh
2	TAC	Quan sát mua	28/04/21	56.5	63	Tín hiệu retest hỗ trợ quanh 54 tích cực với nền rút chân dài -> có cơ hội duy trì thành công tín hiệu break để bắt đầu nhịp tăng mới
3	GEX	Quan sát mua	28/04/21	25.95	28-29	Nhịp điều chỉnh về lại vùng hỗ trợ 25-26 tích cực với vol cạn dần -> có cơ hội giữ được vùng này và hồi phục trở lại

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Mua	20/04/21	80.7	81.5	-1.0%	95	16.6%	78.8	-3%	
2	NLG	Mua	26/04/21	35	34.95	0.1%	40	14.4%	33.4	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 27/04/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2012	1,500	6,070	1.5%	305%	4,810	7	80,700	5,944	(126)	HCM	FPT	51,000	5.0	04/05/2021
CFPT2016	2,580	7,250	-1.4%	181%	11,840	56	80,700	6,173	(1,077)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2101	1,500	4,140	-0.2%	176%	8,270	69	80,700	1,097	(3,043)	MBS	FPT	74,500	6.0	05/07/2021
CHDB2008	2,702	1,970	5.4%	-27%	60,670	7	26,800	288	(1,682)	KIS	HDB	25,888	3.2	04/05/2021
CHDB2101	1,000	2,260	5.1%	126%	15,270	148	26,800	98	(2,162)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2018	1,200	6,590	4.4%	449%	103,470	17	56,300	6,583	(7)	KIS	HPG	29,999	4.0	14/05/2021
CHPG2020	5,700	32,810	-0.6%	476%	2,550	64	56,300	30,398	(2,412)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2022	2,100	14,470	1.9%	589%	288,510	7	56,300	14,656	186	HCM	HPG	27,000	2.0	04/05/2021
CHPG2026	3,350	9,510	1.2%	184%	19,010	13	56,300	9,914	404	MBS	HPG	36,500	2.0	10/05/2021
CHPG2101	1,050	5,510	3.8%	425%	15,910	148	56,300	2,514	(2,996)	KIS	HPG	46,888	4.0	22/09/2021
CHPG2102	6,600	18,820	4.0%	185%	8,410	69	56,300	15,466	(3,354)	ACBS	HPG	41,000	1.0	05/07/2021
CHPG2103	3,900	9,580	5.3%	146%	20,820	70	56,300	7,236	(2,344)	VND	HPG	42,000	2.0	06/07/2021
CHPG2104	1,500	6,000	1.9%	300%	20,820	69	56,300	3,894	(2,106)	MBS	HPG	44,800	3.0	05/07/2021
CHPG2105	3,000	10,580	2.7%	253%	25,940	104	56,300	7,279	(3,301)	HCM	HPG	42,000	2.0	09/08/2021
CKDH2001	1,400	2,230	-0.5%	59%	20,570	17	34,550	2,089	(141)	KIS	KDH	26,222	4.0	14/05/2021
CKDH2002	1,600	2,820	0.4%	76%	17,550	111	34,550	1,849	(971)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,400	0.0%	140%	17,540	148	34,550	441	(1,959)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CMBB2010	4,600	13,500	-4.1%	193%	9,500	48	29,600	13,645	145	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	1,600	4,300	0.5%	169%	19,510	70	29,600	1,856	(2,444)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMSN2009	1,200	3,950	1.5%	229%	13,840	17	98,000	3,643	(307)	KIS	MSN	61,999	9.9	14/05/2021
CMSN2101	1,050	2,920	1.4%	178%	8,650	148	98,000	228	(2,692)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,800	-3.1%	180%	4,140	148	98,000	68	(2,732)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMWG2013	12,000	27,000	1.9%	125%	1,070	64	141,900	23,130	(3,870)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2015	1,900	4,220	5.2%	122%	12,170	13	141,900	4,198	(22)	HCM	MWG	100,000	10.0	10/05/2021
CMWG2016	1,700	3,660	-3.7%	115%	19,690	44	141,900	3,418	(242)	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CMWG2101	2,400	3,700	-3.4%	54%	8,480	70	141,900	2,538	(1,162)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,650	0.3%	122%	3,170	97	141,900	4,539	(2,111)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	3,110	-5.8%	64%	8,470	69	141,900	1,410	(1,700)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	5,050	0.0%	110%	13,050	(36)	141,900	(14)	(5,064)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CNVL2003	1,000	5,620	10.4%	462%	81,400	45	121,500	5,827	207	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	1,000	3,450	16.6%	245%	41,270	148	121,500	2,796	(654)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,050	0.0%	21%	16,570	70	96,000	1,851	(199)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	3,800	-2.6%	90%	4,380	97	96,000	3,299	(501)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	3,300	-10.6%	14%	11,810	52	96,000	3,488	188	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2006	1,500	2,290	0.4%	53%	24,270	13	51,000	(0)	(2,290)	HCM	REE	66,002	4.0	10/05/2021
CREE2101	2,300	2,770	-1.1%	20%	13,550	70	51,000	830	(1,940)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,100	-8.7%	91%	12,290	148	20,250	22	(2,078)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2007	1,500	6,030	4.0%	302%	203,630	30	23,100	6,060	30	KIS	STB	10,999	2.0	27/05/2021
CSTB2010	1,100	5,680	1.4%	416%	26,430	45	23,100	5,566	(114)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	3,800	11,300	3.9%	197%	36,930	48	23,100	11,134	(166)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2016	1,200	4,310	2.9%	259%	10,150	7	23,100	4,482	172	KIS	STB	14,141	2.0	04/05/2021
CSTB2101	1,000	4,850	8.3%	385%	29,620	148	23,100	1,010	(3,840)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	2,000	7,170	0.3%	259%	8,230	38	23,100	5,140	(2,030)	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	1,400	5,150	7.7%	268%	49,530	104	23,100	2,607	(2,543)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CTCB2012	5,400	18,700	-0.1%	246%	4,100	94	39,500	17,621	(1,079)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2013	4,700	16,580	-0.5%	253%	2,090	7	39,500	16,509	(71)	SSI	TCB	23,000	1.0	04/05/2021
CTCB2101	5,000	13,200	0.2%	164%	23,790	161	39,500	8,864	(4,336)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	5,000	0.8%	117%	29,720	70	39,500	1,851	(3,149)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	5,740	3.1%	98%	38,400	104	39,500	2,195	(3,545)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCH2001	1,400	950	1.1%	-32%	41,600	17	21,750	0	(950)	KIS	TCH	22,888	3.9	14/05/2021
CTCH2003	1,600	2,130	-0.5%	33%	9,880	111	21,750	104	(2,026)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,480	-0.4%	148%	1,630	148	21,750	149	(2,331)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CVHM2008	1,400	3,250	-7.1%	132%	69,400	45	100,000	1,135	(2,115)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2010	1,300	2,310	-4.2%	78%	50,150	7	100,000	2,353	43	HCM	VHM	76,500	10.0	04/05/2021
CVHM2101	1,100	3,020	0.7%	175%	11,650	148	100,000	167	(2,853)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	2,300	3,850	1.1%	67%	33,970	70	100,000	1,337	(2,513)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	1,650	3,450	-3.9%	109%	17,060	38	100,000	722	(2,728)	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	1,600	3,500	-2.8%	119%	36,800	104	100,000	489	(3,011)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVIC2005	1,500	3,790	0.0%	153%	19,690	45	132,100	2,551	(1,239)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	1,000	3,030	2.4%	203%	15,940	148	132,100	473	(2,557)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	1,800	4,200	-2.3%	133%	6,820	38	132,100	3,232	(968)	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVJC2006	1,000	1,450	0.0%	45%	27,360	45	127,200	819	(631)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	1,100	1,300	-8.5%	18%	22,730	45	95,700	(0)	(1,300)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	1,100	2,410	-10.7%	119%	7,630	148	95,700	1	(2,409)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	1,700	2,590	1.6%	52%	26,460	70	95,700	1	(2,589)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	1,700	2,900	-3.3%	71%	22,070	52	95,700	2	(2,898)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVPB2011	1,900	14,090	-0.1%	642%	610	7	53,200	14,605	515	HCM	VPB	24,000	2.0	04/05/2021
CVPB2015	5,600	27,790	2.0%	396%	1,980	94	53,200	27,343	(447)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2016	4,800	24,950	0.4%	420%	60	7	53,200	26,211	1,261	SSI	VPB	27,000	1.0	04/05/2021
CVPB2101	2,900	8,500	-0.2%	193%	12,270	70	53,200	8,176	(324)	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	2,800	8,520	-5.3%	204%	10,650	38	53,200	8,890	370	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	2,700	8,890	0.3%	229%	26,440	104	53,200	8,461	(429)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVRE2009	1,400	1,170	0.0%	-16%	60,020	30	30,600	41	(1,129)	KIS	VRE	30,999	5.0	27/05/2021
CVRE2011	1,500	1,500	-2.6%	0%	21,620	45	30,600	33	(1,467)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	5,000	8,330	-0.8%	67%	15,300	94	30,600	3,380	(4,950)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2014	4,600	3,400	-19.4%	-26%	81,380	7	30,600	3,111	(289)	SSI	VRE	27,500	1.0	04/05/2021
CVRE2101	1,200	2,650	6.0%	121%	12,630	148	30,600	136	(2,514)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	2,270	0.0%	26%	34,850	70	30,600	304	(1,966)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,460	0.8%	89%	23,330	104	30,600	180	(2,280)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">PNJ</a>	(New) HOSE	96,000	116,000	27/04/2021	1,538	6,762	27,589	25%	15.7%	17.2	4.2	20%
<a href="#">HPG</a>	(New) HOSE	56,300	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12.0%	10.5	2.4	5%
<a href="#">FPT</a>	(New) HOSE	80,700	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	10.8%	19.4	3.5	20%
<a href="#">DGW</a>	(New) HOSE	106,200	103,700	13/04/2021	425	9,881	35,452	28%	11.1%	10.5	2.8	20%
<a href="#">VHC</a>	(New) HOSE	36,000	48,900	12/04/2021	951	5,188	31,003	12%	16.7%	9.4	1.6	-
<a href="#">ACV</a>	UPCOM	72,600	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	4.7%	60.6	4.7	6%
<a href="#">MSN</a>	HOSE	98,000	110,800	08/04/2021	2,209	1,890	16,195	13%	2.0%	58.7	6.9	-
<a href="#">ANV</a>	HOSE	21,600	26,000	05/04/2021	281	2,202	18,506	12%	5.9%	11.8	1.4	-
<a href="#">REE</a>	HOSE	51,000	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9.0%	10.4	1.4	0%
<a href="#">VNM</a>	HOSE	95,700	128,000	01/04/2021	10,488	4,972	16,501	30%	19.8%	25.8	7.8	45%
<a href="#">PLX</a>	HOSE	48,600	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	6.8%	17.7	3.7	30%
<a href="#">SBT</a>	HOSE	20,250	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	3.7%	25.8	2.2	5%
<a href="#">MPC</a>	UPCOM	34,700	44,700	25/03/2021	762	3,811	27,801	14%	8.2%	11.7	1.6	-
<a href="#">FMC</a>	HOSE	30,300	43,900	18/03/2021	236	4,014	21,355	17%	11.5%	10.0	1.9	-
<a href="#">GVR</a>	HOSE	23,400	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6.0%	38.6	3.1	3%
<a href="#">VRE</a>	HOSE	30,600	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7.1%	29.2	3.3	-
<a href="#">TCM</a>	HOSE	114,500	66,000	11/03/2021	287	4,630	28,532	16%	9.4%	12.5	2.0	-
<a href="#">MWG</a>	HOSE	141,900	140,600	08/03/2021	4,546	10,036	41,716	24%	8.8%	14.0	3.4	15%
<a href="#">GAS</a>	HOSE	81,500	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	14.8%	18.0	3.7	35%
<a href="#">MSH</a>	HOSE	50,700	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	11.9%	8.4	1.8	-
<a href="#">GMD</a>	HOSE	33,350	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5.0%	12.8	1.0	10%
<a href="#">NLG</a>	HOSE	35,000	39,000	24/02/2021	966	3,763	26,600	14%	7.0%	10.4	1.5	5%
<a href="#">TNG</a>	HOSE	21,200	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5.2%	8.9	1.5	-
<a href="#">GIL</a>	HOSE	71,900	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	9.8%	6.2	1.3	-
<a href="#">GTN</a>	HOSE	18,850	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	7.6%	58.4	2.3	0%
<a href="#">IMP</a>	HOSE	72,000	59,400	21/01/2021	210	3,144	27,758	12%	10.0%	18.9	2.3	20%
<a href="#">FRT</a>	HOSE	26,800	37,700	20/01/2021	28	350	15,466	2%	0.6%	62.0	1.4	10%
<a href="#">VCB</a>	HOSE	99,000	113,000	19/01/2021	18,436	4,971	31,498	17%	1.4%	22.7	3.6	0%
<a href="#">ACB</a>	HOSE	34,000	32,300	19/01/2021	8,912	4,123	20,313	23%	1.9%	7.8	3.6	0%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

<a href="#">TCB</a>		HOSE	39,500	26,700	19/01/2021	15,022	4,292	25,693	18%	3.5%	6.5	1.1	0%
<a href="#">VHM</a>		HOSE	100,000	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	11.8%	9.8	2.4	-
<a href="#">KDH</a>		HOSE	34,550	29,400	19/01/2021	1,763	3,182	17,973	19%	8.3%	8.5	1.5	-
<a href="#">SAB</a>		HOSE	169,800	182,900	19/01/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17.3%	26.6	5.1	35%
<a href="#">LHG</a>		HOSE	36,000	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	5.6%	8.1	1.0	-
<a href="#">PHR</a>		HOSE	50,000	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	15.7%	6.6	2.1	30%
<a href="#">PVS</a>		HNX	19,400	16,100	19/01/2021	928	1,843	27,820	7%	3.4%	8.7	0.6	5%
<a href="#">PLX</a>		HOSE	48,600	56,200	19/01/2021	3,917	2,905	21,808	17%	6.8%	19.3	2.6	30%
<a href="#">CTR</a>		UPCOM	83,800	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6.4%	21.1	4.6	10%
<a href="#">POW</a>		HOSE	12,100	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5.2%	13.9	1.0	3%
<a href="#">GEG</a>		HOSE	17,050	19,000	19/01/2021	383	1,184	13,017	14%	5.3%	16.1	1.5	-
<a href="#">BMP</a>		HOSE	58,500	65,900	19/01/2021	542	6,622	32,553	20%	17.5%	10.0	2.0	40%
<a href="#">CTD</a>		HOSE	62,500	66,000	19/01/2021	702	8,852	115,000	8%	4.9%	7.5	0.6	30%
<a href="#">VHC</a>		HOSE	36,000	50,600	14/01/2021	892	5,134	26,696	18%	13.2%	9.9	1.9	-

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.